

Ngày 15 tháng 04 năm 2025.

## THÔNG BÁO

### DANH MỤC CHỨNG KHOÁN GIAO DỊCH KÝ QUỸ

Công ty cổ phần chứng khoán KIS Việt Nam trân trọng công bố **Danh mục chứng khoán Giao dịch ký quỹ**, áp dụng từ ngày **15/04/2025** tại KIS Việt Nam, chi tiết như sau:

| STT | Mã chứng khoán | Tên công ty                                   | Sàn  | Tỉ lệ cho vay | Tỉ lệ đánh giá TSDB | Giá chặn |
|-----|----------------|-----------------------------------------------|------|---------------|---------------------|----------|
| 1   | AAA            | CTCP Nhựa và môi trường xanh An Phát          | HSX  | 50%           | 100%                | 12,000   |
| 2   | ACB            | NH TMCP Á Châu                                | HSX  | 50%           | 100%                | -        |
| 3   | ACC            | CTCP Đầu tư và xây dựng Bình Dương ACC        | HSX  | 20%           | 40%                 | 12,400   |
| 4   | ADS            | CTCP Damsan                                   | HSX  | 30%           | 60%                 | -        |
| 5   | AGG            | CTCP ĐT và Phát triển Bất động sản An Gia     | HSX  | 30%           | 60%                 | 21,000   |
| 6   | ANV            | CTCP Nam Việt                                 | HSX  | 50%           | 100%                | 22,200   |
| 7   | ASM            | CTCP ĐT và xây dựng Sao Mai tỉnh An Giang     | HSX  | 40%           | 80%                 | 13,500   |
| 8   | AST            | CTCP Dịch vụ hàng không TASECO                | HSX  | 30%           | 60%                 | 55,000   |
| 9   | BAF            | CTCP nông nghiệp BAF Việt Nam                 | HSX  | 35%           | 70%                 | 29,800   |
| 10  | BCM            | TCT ĐT và Phát triển Công nghiệp – CTCP       | HSX  | 40%           | 80%                 | -        |
| 11  | BFC            | CTCP Phân bón Bình Điền                       | HSX  | 40%           | 80%                 | -        |
| 12  | BID            | NH TMCP ĐT và Phát triển VN                   | HSX  | 50%           | 100%                | -        |
| 13  | BMC            | CTCP Khoáng sản Bình Định                     | HSX  | 20%           | 40%                 | -        |
| 14  | BMI            | Tổng CTCP Bảo Minh                            | HSX  | 40%           | 80%                 | 27,500   |
| 15  | BMP            | CTCP Nhựa Bình Minh                           | HSX  | 50%           | 100%                | -        |
| 16  | BNA            | CTCP tập đoàn đầu tư Bảo Ngọc                 | HNX  | 25%           | 50%                 | 8,000    |
| 17  | BSI            | CTCP Chứng khoán NH Đầu tư và Phát triển VN   | HSX  | 40%           | 80%                 | 54,300   |
| 18  | BVH            | Cổ phiếu Tập Đoàn Bảo Việt                    | HSX  | 50%           | 100%                | -        |
| 19  | BWE            | CTCP Nước - Môi trường Bình Dương             | HSX  | 40%           | 80%                 | -        |
| 20  | CCL            | CTCP ĐT và Phát triển Đô thị Dầu khí Cửu Long | HSX  | 20%           | 40%                 | -        |
| 21  | CDC            | CTCP Chương Dương                             | HSX  | 20%           | 40%                 | 20,000   |
| 22  | CEO            | Công ty cổ phần tập đoàn C.E.O                | HNX  | 40%           | 80%                 | 19,900   |
| 23  | CH             | CTCP đầu tư hạ tầng kỹ thuật TP.HCM           | HSX  | 50%           | 100%                | -        |
| 24  | CMG            | CTCP tập đoàn công nghệ CMC                   | HSX  | 40%           | 80%                 | 55,300   |
| 25  | CNG            | CTCP CNG VN                                   | HSX  | 30%           | 60%                 | 38,000   |
| 26  | CRC            | CTCP Create Capital VN                        | HSX  | 20%           | 40%                 | -        |
| 27  | CSM            | CTCP Công nghiệp cao su Miền nam              | HOSE | 30%           | 60%                 | 18,700   |

|    |                |                                                    |      |     |      |         |
|----|----------------|----------------------------------------------------|------|-----|------|---------|
| 28 | <b>CSV</b>     | CTCP hóa chất cơ bản Miền Nam                      | HSX  | 50% | 100% | 40,500  |
| 29 | <b>CTD</b>     | CTCP Xây dựng Cotec                                | HSX  | 45% | 90%  | 86,500  |
| 30 | <b>CTF</b>     | CTCP City Auto                                     | HSX  | 20% | 40%  | 20,000  |
| 31 | <b>CTG</b>     | NH TMCP Công Thương VN                             | HSX  | 50% | 100% | -       |
| 32 | <b>CTI</b>     | CTCP Đầu tư và phát triển Cường Thuận IDICO        | HSX  | 40% | 80%  | 21,900  |
| 33 | <b>CTR</b>     | Tổng CTCP Công trình Viettel                       | HSX  | 40% | 80%  | 138,000 |
| 34 | <b>CTS</b>     | CTCP Chứng khoán NH Công thương VN                 | HSX  | 40% | 80%  | -       |
| 35 | <b>DBC</b>     | CTCP Tập đoàn DABACO VN                            | HSX  | 50% | 100% | 32,400  |
| 36 | <b>DBD</b>     | CTCP Dược-Trang thiết bị y tế Bình Định (Bidiphar) | HSX  | 30% | 60%  | 57,000  |
| 37 | <b>DC4</b>     | CTCP Xây dựng DIC Holdings                         | HSX  | 25% | 50%  | 14,400  |
| 38 | <b>DCL</b>     | CTCP Dược phẩm Cửu Long                            | HSX  | 20% | 40%  | -       |
| 39 | <b>DCM</b>     | CTCP Phân bón Dầu khí Cà Mau                       | HSX  | 50% | 100% | 41,600  |
| 40 | <b>DGC</b>     | CTCP Bột giặt và Hóa chất Đức Giang                | HSX  | 50% | 100% | 120,200 |
| 41 | <b>DGW</b>     | CTCP Thế giới số                                   | HSX  | 40% | 80%  | -       |
| 42 | <b>DHA</b>     | CTCP Hóa An                                        | HSX  | 30% | 60%  | 45,000  |
| 43 | <b>DHC</b>     | CTCP Đông hải Bến tre                              | HSX  | 35% | 70%  | 45,700  |
| 44 | <b>DHG</b>     | CTCP Dược Hậu Giang                                | HSX  | 50% | 100% | -       |
| 45 | <b>DHT</b>     | CTCP Dược phẩm Hà Tây                              | HNX  | 30% | 60%  | 65,000  |
| 46 | <b>DIG</b>     | Tổng CTCP ĐT Phát triển Xây dựng                   | HSX  | 50% | 100% | 29,300  |
| 47 | <b>DL1</b>     | CTCP tập đoàn Alpha Seven                          | HNX  | 25% | 50%  | 10,000  |
| 48 | <b>DNP</b>     | CTCP Nhựa Đồng nai                                 | HNX  | 10% | 20%  | 10,000  |
| 49 | <b>DPG</b>     | CTCP Đạt Phương                                    | HSX  | 40% | 80%  | 59,100  |
| 50 | <b>DPM</b>     | TCT Phân bón và Hóa chất Dầu khí - CTCP            | HSX  | 50% | 100% | -       |
| 51 | <b>DPR</b>     | CTCP Cao su Đồng Phú                               | HSX  | 45% | 90%  | -       |
| 52 | <b>DRC</b>     | CTCP Cao su Đà Nẵng                                | HSX  | 40% | 80%  | 36,000  |
| 53 | <b>DSE</b>     | CTCP Chứng khoán DNSE                              | HSX  | 30% | 60%  | 26,200  |
| 54 | <b>DTD</b>     | CTCP ĐT Phát triển Thành Đạt                       | HNX  | 30% | 60%  | 30,600  |
| 55 | <b>DVM</b>     | CTCP Dược liệu Việt Nam                            | HNX  | 10% | 20%  | -       |
| 56 | <b>DXG</b>     | Cổ phiếu CTCP Tập đoàn Đất Xanh                    | HSX  | 35% | 70%  | 16,000  |
| 57 | <b>DXS</b>     | CTCP Dịch vụ BĐS Đất Xanh                          | HOSE | 20% | 40%  | 10,000  |
| 58 | <b>E1VFN30</b> | CTCP Quản lý quỹ ĐT VN - Quỹ ETF VFMVN30           | HSX  | 50% | 100% | -       |
| 59 | <b>EIB</b>     | NH TMCP XNK VN                                     | HSX  | 50% | 100% | 20,000  |

|    |                 |                                                   |      |     |      |         |
|----|-----------------|---------------------------------------------------|------|-----|------|---------|
| 60 | <b>ELC</b>      | CTCP ĐT Phát triển Công nghệ Điện tử - Viễn Thông | HSX  | 40% | 80%  | 29,700  |
| 61 | <b>EVF</b>      | Công ty tài chính cổ phần Điện lực                | HSX  | 40% | 80%  | 14,800  |
| 62 | <b>FCN</b>      | CTCP FECON                                        | HOSE | 30% | 60%  | 19,500  |
| 63 | <b>FIR</b>      | CTCP đại ốc First Real                            | HSX  | 10% | 20%  | 10,000  |
| 64 | <b>FMC</b>      | CTCP Thực phẩm Sao Ta                             | HSX  | 40% | 80%  | -       |
| 65 | <b>FPT</b>      | CTCP FPT                                          | HSX  | 50% | 100% | -       |
| 66 | <b>FRT</b>      | CTCP bán lẻ kỹ thuật số FPT                       | HSX  | 40% | 80%  | 160,000 |
| 67 | <b>FTS</b>      | CTCP Chứng khoán FPT                              | HSX  | 50% | 100% | 49,200  |
| 68 | <b>FUEMAV30</b> | Chứng chỉ Quỹ ETF MAFM VN30                       | HSX  | 50% | 100% | -       |
| 69 | <b>FUESSV30</b> | Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI                      | HSX  | 50% | 100% | -       |
| 70 | <b>FUESSVFL</b> | Công ty TNHH Quản lý quỹ SSI                      | HSX  | 50% | 100% | -       |
| 71 | <b>FUEVFNVD</b> | Chứng chỉ Quỹ ETF DCVFMVN DIAMOND                 | HSX  | 50% | 100% | -       |
| 72 | <b>FUEVN100</b> | CTCP Quản Lý Quỹ VinaCapital                      | HSX  | 50% | 100% | -       |
| 73 | <b>GAS</b>      | TCT Khí VN                                        | HSX  | 50% | 100% | -       |
| 74 | <b>GEE</b>      | CTCP Điện lực Gelex                               | HSX  | 30% | 60%  | 52,100  |
| 75 | <b>GEG</b>      | CTCP Điện Gia Lai                                 | HSX  | 40% | 80%  | -       |
| 76 | <b>GEX</b>      | Tổng CTCP Thiết bị điện VN                        | HSX  | 50% | 100% | 25,300  |
| 77 | <b>GMD</b>      | CTCP Đại lý Liên hiệp Vận chuyển                  | HSX  | 50% | 100% | -       |
| 78 | <b>GVR</b>      | Tập đoàn Công nghiệp Cao su VN – CTCP             | HSX  | 50% | 100% | -       |
| 79 | <b>HAH</b>      | CTCP Vận tải và Xếp dỡ Hải An                     | HSX  | 50% | 100% | 55,600  |
| 80 | <b>HAX</b>      | CTCP Dịch vụ Ô tô Hàng Xanh                       | HSX  | 30% | 60%  | -       |
| 81 | <b>HCD</b>      | CTCP Đầu tư SX và TM HCD                          | HSX  | 20% | 40%  | 10,000  |
| 82 | <b>HCM</b>      | CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh            | HSX  | 50% | 100% | 32,000  |
| 83 | <b>HDB</b>      | NHTM cổ phần Phát triển thành phố Hồ Chí Minh     | HSX  | 50% | 100% | 25,000  |
| 84 | <b>HDC</b>      | CTCP Phát triển nhà Bà Rịa-Vũng Tàu               | HSX  | 40% | 80%  | 30,200  |
| 85 | <b>HDG</b>      | CTCP Tập đoàn Hà Đô                               | HSX  | 50% | 100% | 32,200  |
| 86 | <b>HHP</b>      | CTCP Giấy Hoàng Hà Hải Phòng                      | HSX  | 20% | 40%  | 11,500  |
| 87 | <b>HHS</b>      | CTCP ĐT dịch vụ Hoàng Huy                         | HSX  | 30% | 60%  | -       |
| 88 | <b>HHV</b>      | CTCP đầu tư hạ tầng giao thông Đèo Cả             | HSX  | 45% | 90%  | -       |
| 89 | <b>HPG</b>      | CTCP Tập đoàn Hòa phát                            | HSX  | 50% | 100% | -       |
| 90 | <b>HPX</b>      | CTCP Đầu tư Hải Phát                              | HSX  | 20% | 40%  | 10,000  |
| 91 | <b>HQC</b>      | CTCP TV - TM - DV địa ốc Hoàng Quân               | HSX  | 10% | 20%  | 5,000   |

|     |            |                                             |      |     |      |        |
|-----|------------|---------------------------------------------|------|-----|------|--------|
| 92  | <b>HSG</b> | CTCP Tập đoàn Hoa Sen                       | HSX  | 50% | 100% | 25,100 |
| 93  | <b>HTN</b> | CTCP Hưng Thịnh Incons                      | HSX  | 30% | 60%  | 8,000  |
| 94  | <b>HUT</b> | CTCP Tasco                                  | HNX  | 35% | 70%  | 16,000 |
| 95  | <b>HVH</b> | CTCP ĐT và Công nghệ HVC                    | HSX  | 20% | 40%  | 10,000 |
| 96  | <b>IDC</b> | TCT IDICO - CTCP                            | HNX  | 50% | 100% | 67,400 |
| 97  | <b>IDI</b> | CTCP đầu tư và phát triển đa quốc gia I.D.I | HSX  | 40% | 80%  | 13,900 |
| 98  | <b>IJC</b> | Công ty CP Phát triển hạ tầng Kỹ thuật      | HSX  | 40% | 80%  | -      |
| 99  | <b>IMP</b> | CTCP Dược phẩm IMEXPHARM                    | HSX  | 35% | 70%  | 54,600 |
| 100 | <b>KBC</b> | TCT Phát triển Đô Thị Kinh Bắc – CTCP       | HSX  | 50% | 100% | 34,400 |
| 101 | <b>KDC</b> | CTCP Tập đoàn KIDO                          | HSX  | 40% | 80%  | 60,000 |
| 102 | <b>KDH</b> | CTCP ĐT và Kinh doanh nhà Khang Điền        | HSX  | 50% | 100% | -      |
| 103 | <b>KHG</b> | CTCP Tập đoàn Khải Hoàn Land                | HSX  | 30% | 60%  | 7,500  |
| 104 | <b>KHP</b> | CTCP Điện lực Khánh Hòa                     | HOSE | 25% | 50%  | 14,000 |
| 105 | <b>KOS</b> | CTCP Kosy                                   | HSX  | 10% | 20%  | 20,000 |
| 106 | <b>KSB</b> | CTCP khoáng sản và xây dựng Bình Dương      | HSX  | 40% | 80%  | 24,700 |
| 107 | <b>LAS</b> | CTCP Supe Phot phát và Hóa chất Lâm Thao    | HNX  | 40% | 80%  | -      |
| 108 | <b>LCG</b> | CTCP LICOGI 16                              | HSX  | 50% | 100% | -      |
| 109 | <b>LHG</b> | CTCP Long Hậu                               | HOSE | 30% | 60%  | 46,000 |
| 110 | <b>LPB</b> | NH TM cổ phần Bưu điện Liên Việt            | HSX  | 50% | 100% | -      |
| 111 | <b>LSS</b> | CTCP mía đường Lam Sơn                      | HSX  | 30% | 60%  | 15,700 |
| 112 | <b>MBB</b> | NH TMCP Quân đội                            | HSX  | 50% | 100% | -      |
| 113 | <b>MBS</b> | CTCP Chứng khoán MB                         | HNX  | 40% | 80%  | -      |
| 114 | <b>MIG</b> | Tổng công ty CP bảo hiểm Quân đội           | HSX  | 50% | 100% | 24,700 |
| 115 | <b>MSB</b> | NH TM cổ phần Hàng hải VN                   | HSX  | 50% | 100% | -      |
| 116 | <b>MSH</b> | CTCP Mây Sông Hồng                          | HSX  | 40% | 80%  | 61,000 |
| 117 | <b>MSN</b> | CTCP Tập đoàn Ma San                        | HSX  | 50% | 100% | 86,000 |
| 118 | <b>MWG</b> | CTCP ĐT thế giới di động                    | HSX  | 50% | 100% | 69,500 |
| 119 | <b>NAB</b> | Ngân hàng TMCP Nam Á                        | HSX  | 30% | 60%  | 15,000 |
| 120 | <b>NAF</b> | CTCP Nafoods Group                          | HSX  | 30% | 60%  | 21,000 |
| 121 | <b>NAG</b> | CTCP tập đoàn NAGAKAWA                      | HNX  | 10% | 20%  | -      |
| 122 | <b>NBB</b> | Cổ phiếu CTCP ĐT Năm Bảy Bảy                | HSX  | 30% | 60%  | 20,000 |
| 123 | <b>NHH</b> | CTCP Nhựa Hà Nội                            | HSX  | 30% | 60%  | -      |

|     |            |                                               |      |     |      |        |
|-----|------------|-----------------------------------------------|------|-----|------|--------|
| 124 | <b>NKG</b> | CTCP thép Nam Kim                             | HSX  | 50% | 100% | 20,700 |
| 125 | <b>NLG</b> | CTCP ĐT Nam Long                              | HSX  | 50% | 100% | -      |
| 126 | <b>NO1</b> | CTCP Tập đoàn 911                             | HOSE | 30% | 60%  | 10,000 |
| 127 | <b>NTL</b> | CTCP Phát triển Đô thị Từ Liêm                | HSX  | 40% | 80%  | -      |
| 128 | <b>NTP</b> | CTCP Nhựa Thiếu niên Tiền phong               | HNX  | 40% | 80%  | 65,000 |
| 129 | <b>OCB</b> | NH TM cổ phần Phương Đông                     | HSX  | 40% | 80%  | -      |
| 130 | <b>PAN</b> | CTCP Tập đoàn PAN                             | HSX  | 50% | 100% | 29,900 |
| 131 | <b>PC1</b> | CTCP Xây lắp điện 1                           | HSX  | 40% | 80%  | 28,600 |
| 132 | <b>PDR</b> | CTCP phát triển bất động sản Phát Đạt         | HSX  | 40% | 80%  | 18,000 |
| 133 | <b>PET</b> | Tổng CTCP Dịch vụ Tổng hợp Dầu khí            | HSX  | 40% | 80%  | -      |
| 134 | <b>PHR</b> | CTCP Cao su Phước Hòa                         | HSX  | 50% | 100% | -      |
| 135 | <b>PLC</b> | TCT Hóa dầu Petrolimex - CTCP                 | HNX  | 40% | 80%  | -      |
| 136 | <b>PLX</b> | Tập đoàn Xăng dầu VN                          | HSX  | 50% | 100% | -      |
| 137 | <b>PNJ</b> | CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận                | HSX  | 50% | 100% | -      |
| 138 | <b>POW</b> | TCT Điện lực Dầu khí VN – CTCP                | HSX  | 50% | 100% | -      |
| 139 | <b>PTB</b> | CTCP Phú Tài                                  | HSX  | 30% | 60%  | 60,000 |
| 140 | <b>PVC</b> | Tổng Cty Hóa chất và dịch vụ dầu khí          | HNX  | 35% | 70%  | 18,700 |
| 141 | <b>PVD</b> | CTCP Khoan và dịch vụ khoan dầu khí           | HSX  | 50% | 100% | 38,000 |
| 142 | <b>PVI</b> | CTCP PVI                                      | HNX  | 40% | 80%  | -      |
| 143 | <b>PVP</b> | CTCP Vận tải dầu khí Thái Bình Dương          | HSX  | 30% | 60%  | -      |
| 144 | <b>PVS</b> | Tổng CTCP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí VN         | HNX  | 50% | 100% | -      |
| 145 | <b>PVT</b> | Tổng CTCP Vận tải Dầu khí                     | HSX  | 50% | 100% | -      |
| 146 | <b>REE</b> | CTCP Cơ điện lạnh                             | HSX  | 50% | 100% | 72,700 |
| 147 | <b>S99</b> | CTCP SCI                                      | HNX  | 20% | 40%  | 10,000 |
| 148 | <b>SAB</b> | Tổng CTCP Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn | HSX  | 50% | 100% | -      |
| 149 | <b>SAM</b> | CTCP ĐT và Phát triển Sacom                   | HSX  | 20% | 40%  | 10,000 |
| 150 | <b>SBG</b> | CTCP Tập đoàn cơ khí công nghệ cao SIBA       | HSX  | 20% | 40%  | 13,700 |
| 151 | <b>SBT</b> | CTCP Bourbon Tây Ninh                         | HSX  | 50% | 100% | -      |
| 152 | <b>SCG</b> | CTCP Tập đoàn xây dựng SCG                    | HNX  | 20% | 40%  | -      |
| 153 | <b>SCI</b> | CTCP SCI E&C                                  | HNX  | 20% | 40%  | -      |
| 154 | <b>SCR</b> | CTCP Địa ốc Sài Gòn Thương Tín                | HSX  | 30% | 60%  | -      |
| 155 | <b>SCS</b> | CTCP Dịch vụ hàng hóa Sài Gòn                 | HSX  | 40% | 80%  | 90,000 |

|     |            |                                                      |     |     |      |        |
|-----|------------|------------------------------------------------------|-----|-----|------|--------|
| 156 | <b>SHB</b> | NH TM cổ phần Sài Gòn - Hà Nội                       | HSX | 50% | 100% | -      |
| 157 | <b>SHI</b> | CTCP Quốc tế Sơn Hà                                  | HSX | 20% | 40%  | 13,000 |
| 158 | <b>SHS</b> | CTCP chứng khoán Sài Gòn Hà Nội                      | HNX | 50% | 100% | 20,300 |
| 159 | <b>SIP</b> | CTCP Đầu tư Sài Gòn VRG                              | HSX | 40% | 80%  | 76,000 |
| 160 | <b>SJS</b> | CTCP Đầu tư phát triển đô thị và KCN Sông Đà         | HSX | 20% | 40%  | 40,000 |
| 161 | <b>SKG</b> | CTCP tàu cao tốc Superdong - Kiên Giang              | HSX | 30% | 60%  | 15,000 |
| 162 | <b>SSB</b> | Ngân hàng TMCP Đông Nam Á                            | HSX | 40% | 80%  | 20,000 |
| 163 | <b>SSI</b> | CTCP Chứng khoán Sài Gòn                             | HSX | 50% | 100% | -      |
| 164 | <b>STB</b> | NH TMCP Sài Gòn Thương Tín                           | HSX | 50% | 100% | -      |
| 165 | <b>SZC</b> | CTCP Sonadezi Châu Đức                               | HSX | 40% | 80%  | -      |
| 166 | <b>TCB</b> | NH TM cổ phần Kỹ thương VN                           | HSX | 50% | 100% | 55,600 |
| 167 | <b>TCH</b> | CTCP ĐT Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy                  | HSX | 40% | 80%  | 19,500 |
| 168 | <b>TCL</b> | CTCP Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng        | HSX | 20% | 40%  | -      |
| 169 | <b>TCM</b> | CTCP Dệt may - Đầu tư - Thương mại Thành Công        | HSX | 40% | 80%  | 35,000 |
| 170 | <b>TCO</b> | CTCP TCO Holdings                                    | HSX | 20% | 40%  | 16,800 |
| 171 | <b>TDM</b> | CTCP Nước Thủ Dầu Một                                | HSX | 40% | 80%  | 50,000 |
| 172 | <b>TDI</b> | CTCP ĐT và Phát triển TDT                            | HNX | 20% | 40%  | -      |
| 173 | <b>THD</b> | CTCP Thaiholdings                                    | HNX | 10% | 20%  | 25,000 |
| 174 | <b>TIP</b> | CTCP Phát triển Khu công nghiệp Tín Nghĩa            | HSX | 30% | 60%  | -      |
| 175 | <b>TLD</b> | CTCP đầu tư xây dựng và phát triển đô thị Thăng Long | HSX | 20% | 40%  | 5,000  |
| 176 | <b>TLG</b> | CTCP tập đoàn Thiên Long                             | HSX | 40% | 80%  | -      |
| 177 | <b>TNG</b> | CTCP ĐT và TM TNG                                    | HNX | 50% | 100% | -      |
| 178 | <b>TNH</b> | CTCP Bệnh viện Quốc tế Thái Nguyên                   | HSX | 40% | 80%  | 21,500 |
| 179 | <b>TPB</b> | NH TM cổ phần Tiên Phong                             | HSX | 50% | 100% | 12,000 |
| 180 | <b>TRC</b> | CTCP Cao su Tây Ninh                                 | HSX | 30% | 60%  | -      |
| 181 | <b>TTA</b> | CTCP ĐT Xây dựng và Phát triển Trường Thành          | HSX | 30% | 60%  | 10,000 |
| 182 | <b>TV2</b> | Cổ phiếu CTCP Tư vấn Xây dựng điện 2                 | HSX | 30% | 60%  | -      |
| 183 | <b>TVD</b> | CTCP Than Vàng Danh                                  | HNX | 20% | 40%  | -      |
| 184 | <b>VC3</b> | CTCP Xây dựng Số 3                                   | HNX | 30% | 60%  | 20,000 |
| 185 | <b>VCB</b> | NH TMCP Ngoại Thương VN                              | HSX | 50% | 100% | -      |
| 186 | <b>VCG</b> | Tổng CTCP XNK và Xây dựng VN                         | HSX | 50% | 100% | -      |
| 187 | <b>VCI</b> | CTCP Chứng khoán Bản Việt                            | HSX | 50% | 100% | 41,800 |

|     |     |                                             |     |     |      |         |
|-----|-----|---------------------------------------------|-----|-----|------|---------|
| 188 | VCS | CTCP Đá ốp lát cao Cấp Vinaconex            | HNX | 50% | 100% | 58,500  |
| 189 | VDS | Công ty CP Chứng khoán Rồng Việt            | HSX | 30% | 60%  | -       |
| 190 | VFG | CTCP khử trùng Việt Nam                     | HSX | 20% | 40%  | 70,000  |
| 191 | VFS | CTCP chứng khoán Nhất Việt                  | HNX | 25% | 50%  | 20,000  |
| 192 | VGC | TCT Viglacera – CTCP                        | HSX | 45% | 90%  | 56,300  |
| 193 | VGS | CTCP Ống thép Việt Đức VG PIPE              | HNX | 30% | 60%  | 35,700  |
| 194 | VHC | CTCP Vĩnh Hoàn                              | HSX | 50% | 100% | 80,000  |
| 195 | VHM | CTCP Vinhomes                               | HSX | 50% | 100% | 48,500  |
| 196 | VIB | NH TM cổ phần Quốc tế VN                    | HSX | 50% | 100% | -       |
| 197 | VIC | Tập đoàn Vingroup                           | HSX | 40% | 80%  | 40,000  |
| 198 | VIX | CTCP Chứng khoán VIX                        | HSX | 50% | 100% | 15,000  |
| 199 | VJC | CTCP hàng không VietJet                     | HSX | 50% | 100% | 90,000  |
| 200 | VND | CTCP Chứng khoán VNDIRECT                   | HSX | 40% | 80%  | 17,000  |
| 201 | VNM | CTCP Sữa VN                                 | HSX | 50% | 100% | -       |
| 202 | VOS | CTCP Vận tải biển Việt Nam                  | HSX | 30% | 60%  | -       |
| 203 | VPB | NH TM cổ phần VN Thịnh Vượng                | HSX | 50% | 100% | 30,000  |
| 204 | VPG | CTCP ĐT TM XNK Việt Phát                    | HSX | 30% | 60%  | 16,500  |
| 205 | VPI | CTCP ĐT Văn Phú - Invest                    | HSX | 30% | 60%  | 45,000  |
| 206 | VRE | CTCP Vincom Retail                          | HSX | 50% | 100% | -       |
| 207 | VSC | CTCP Container VN                           | HSX | 50% | 100% | 21,800  |
| 208 | VTO | CTCP Vận tải xăng dầu VITACO                | HSX | 40% | 80%  | 15,000  |
| 209 | VTP | Tổng CTCP Bưu chính Viettel                 | HSX | 40% | 80%  | 106,000 |
| 210 | VTZ | CTCP sản xuất và thương mại nhựa Việt Thành | HNX | 30% | 60%  | 18,500  |
| 211 | YEG | CTCP Tập đoàn Yeah1                         | HSX | 30% | 60%  | 20,000  |